

Ngành Lương thực cần có kế hoạch hướng dẫn việc cấp phát đạt yêu cầu, nhanh gọn, không tốn nhiều thì giờ của các đơn vị và nhân dân. Các ngành có liên quan như Công an, Lao động, Thống kê, Dân số các thành phố, thị xã cần tùy theo chức năng của mình mà phối hợp với ngành lương thực làm cho tốt.

Các ngành có nhiều lao động nhất là các ngành có nhiều xí nghiệp, công trường... cần chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện chính sách cung cấp lương thực ở các đơn vị cấp dưới của mình.

Muốn làm tốt công tác này, cần coi trọng công tác tư tưởng, làm cho mọi người hiểu được chính sách lương thực đề tự nguyện kê khai đúng trong dịp cấp sổ và chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ, thẻ lệ quản lý cung cấp lương thực.

2. Chỉ đạo tốt khâu cung cấp lương thực hơn nữa để phục vụ đầy đủ hơn cho đời sống nhân dân, làm sao cho người mua đỡ phải mất nhiều thì giờ xếp hàng chờ đợi, đồng thời coi trọng việc tăng cường quản lý lương thực để bảo vệ tài sản Nhà nước, bảo vệ lợi ích của nhân dân.

Cần tiếp tục điều chỉnh cho hợp lý và kiện toàn các mạng lưới kho tàng, cửa hàng bán lẻ; thường xuyên kiểm tra các phương tiện cân đong, bảo quản.

Cần kết hợp với công tác phòng không nhân dân mà cải tiến tốt hơn nữa phương thức cung cấp cho thích hợp với điều kiện sản xuất và sinh hoạt chung của nhân dân, tránh gò ép, mệnh lệnh. Trên tinh thần vừa quản lý chặt chẽ được vật tư, vừa bảo đảm dễ dàng, ít phiền phức cho người tiêu thụ, các chế độ, thẻ lệ sử dụng sổ, tem lương thực phải được nghiên cứu quy định thống nhất từ trên xuống dưới.

Đồng thời, cần coi trọng hơn nữa việc giáo dục chính trị cho cán bộ, nhân viên làm công tác lương thực đề cao đúng mức tinh thần trách nhiệm đối với tài sản của Nhà nước và tinh thần phục vụ vô điều kiện đối với nhân dân.

Các địa phương hiện nay đang bận nhiều công tác lớn, nhưng việc cấp phát sổ, tem lương thực mới cũng là một công tác rất quan trọng nhất thiết phải làm cho tốt. Vì vậy, nhận được chỉ thị này, Tổng cục Lương thực

và các Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh cần nghiên cứu, bố trí kế hoạch chu đáo và thi hành nghiêm chỉnh.

Hà-nội, ngày 12 tháng 12 năm 1964.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI — TỔNG CỤC THỐNG KÊ

QUYẾT ĐỊNH liên Bộ số 1529-VT-TCTK ngày 11-11-1964 ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về các cảng.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ nghị định số 160-CP ngày 9-10-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ nghị định số 131-CP ngày 29-9-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê;

Căn cứ nghị định số 27-CP ngày 22-2-1962 của Hội đồng Chính phủ quy định những nguyên tắc về việc lập và ban hành biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ và phương án điều tra;

Căn cứ yêu cầu kiểm tra thực hiện kế hoạch, lãnh đạo công tác nghiệp vụ của ngành giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về các cảng gồm:

a) Các biểu mẫu, định kỳ báo cáo và ngày gửi báo cáo.

| KÝ HIỆU VÀ TÊN BIỂU MẪU BÁO CÁO A | | ĐỊNH KỲ BÁO CÁO B | NGÀY GỬI BÁO CÁO C |
|--------------------------------------|---|------------------------------------|---|
| Biểu 1-TK. C | Tình hình thực hiện kế hoạch sản lượng hàng hóa xuất nhập cảng | Tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm. | Gửi đến trước ngày 10 tháng kể sau kỳ báo cáo |
| Biểu 2-TK. C | Danh sách tàu ra vào cảng | Tháng | — nt — |
| Biểu 3-TK. C | Tình hình các loại phương tiện thủy ra vào cảng | Tháng, quý năm, | — nt — |
| Biểu 4-TK. C | Tình hình hàng hóa ra vào cảng bằng các loại phương tiện | — nt — | — nt — |
| Biểu 5-TK. C | Tổng hợp khối lượng hàng hóa bốc xếp | — nt — | — nt — |
| Biểu 6-TK. C | Tình hình thực hiện năng suất bốc xếp tổng hợp | — nt — | Gửi đến trước ngày 15 tháng kể sau kỳ báo cáo |
| Biểu 7-TK. C | Tình hình thực hiện năng suất bốc xếp các loại thiết bị bốc dỡ | — nt — | — nt — |
| Biểu 8-TK. C | Tình hình xuất nhập kho bãi | — nt — | — nt — |
| Biểu 9-TK. C | Tình hình thực hiện các chỉ tiêu cầu tàu, kho bãi | — nt — | — nt — |
| Biểu 10-TK. C | Tình hình hàng hóa vận chuyển ngoài | — nt — | — nt — |
| Biểu 11-TK. C | Tình hình phương tiện, thiết bị, kho bãi | Quý, năm | — nt — |
| Biểu 12-TK. C | Tình hình thực hiện kế hoạch công nhân viên chức trong danh sách đã ghi vào kế hoạch và chưa ghi vào kế hoạch | Tháng, quý, năm | — nt — |
| Biểu 13-TK. C | Tình hình thực hiện kế hoạch tiền lương | — nt — | Gửi đến trước ngày 20 tháng kể sau kỳ báo cáo |
| Biểu 14-TK. C | Tình hình thực hiện tiền lương chưa ghi vào kế hoạch | 6 tháng, năm | — nt — |
| Biểu 15-TK. C | Phân tích các loại lương và thành phần quỹ lương | Tháng, quý, năm | — nt — |
| Biểu 16-TK. C | Tình hình thực hiện kế hoạch năng suất lao động | — nt — | Gửi đến trước ngày 15 tháng kể sau kỳ báo cáo |
| Biểu 17-TK. C | Tình hình tăng giảm lao động | Quý, năm | — nt — |
| Biểu 18-TK. C | Tình hình sử dụng thời gian lao động | Tháng, quý, năm | — nt — |
| Biểu 19-TK. C | Tình hình thực hiện quỹ phúc lợi xã hội | — nt — | Gửi đến trước ngày 20 tháng kể sau kỳ báo cáo |

b) Bản giải thích nội dung các chỉ tiêu và cách lập biểu mẫu nói trên.⁽¹⁾

Điều 2. — Các ông Giám đốc Cảng Hải phòng, Cảng Bến-thủy có trách nhiệm thi hành đầy đủ chế độ báo cáo quy định ở điều 1 gửi về Bộ Giao thông vận tải đúng thời hạn đã quy định.

Điều 3. — Các chế độ báo cáo thống kê này bắt đầu thi hành từ ngày 1 tháng 10 năm 1964. Các chế độ báo cáo thống kê đã ban

hành trước trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 4. — Vụ Thống kê Bộ Giao thông vận tải có nhiệm vụ hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc các đơn vị ghi ở điều 2 chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo này.

Hà-nội, ngày 11 tháng 11 năm 1964.

| | |
|----------------------|-----------------------|
| K.T. Tổng cục trưởng | K.T. Bộ trưởng |
| Tổng cục Thống kê | Bộ Giao thông Vận tải |
| Tổng cục phó | Thư trưởng |
| NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG | DƯƠNG BẠCH LIÊN |

(1) Bản giải thích không đăng công báo